飛達田徑會

Panasonic 飛達新春兒童田徑錦標賽 2020

男子 2006~2007 年組 - 100米 (初賽)

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 6	IU CHUN YEUNG	姚晉暘	30	11.83"	(R)
2	2 - 6	HUNG TSZ HO	洪梓皓	29	12.07"	
3	2 - 8	CHOY PAK YIN JEFFREY	蔡柏賢	25	12.14"	
4	1 - 3	CHAN YAT LOK	陳一樂	23	12.16"	
5	1 - 8	LO LONG HEI	盧朗曦	38	12.19"	
6	2 - 5	MOK NAI TIN VICTOR	莫乃天	40	12.37"	
7	2 - 7	NG CHEUK YIN ANDRE	吳卓諺	42	12.75"	
8	2 - 3	YEUNG MAN LONG	楊文朗	46	12.77"	
9	3 - 6	LIU KING TIN ALVIN	廖敬天	11	13.15"	
10	4 - 4	AU-YEUNG TSZ HIM, NICHOLAS	歐陽子	21	13.35"	
11	2 - 4	LI SUM	李琛	35	13.37"	
12	3 - 7	KWOK CHUN TING	郭俊廷	32	13.51"	
13	1 - 7	HE KAM TO	何錦濤	27	13.62"	
14	1 - 5	CHAN CHUN TING	陳俊廷	22	13.83"	
15	3 - 2	TSANG YUK PUI	曾煜培	45	13.86"	
16	3 - 3	NG KING YIN	吳敬言	43	13.88"	
17	4 - 6	FAN CHUN KIT	樊俊杰	993	14.05"	
18	4 - 7	KHAN MIR IBRAHIM	胡力加	994	14.40"	
19	4 - 8	CHEUNG KA HEI	張家熙	996	14.47"	
20	4 - 5	LI MAN LONG	李文朗	34	14.89"	
21	3 - 4	CHENG YAT KIU	鄭日喬	24	15.00"	
22	3 - 5	SO LOK HIN MATTHREW	蘇樂軒	44	15.87"	
	2 - 2	AU TSZ YU	區梓譽	20	DNS	
	3 - 8	CHENG HO FUNG, GERMAN	鄭皓丰	10	DNS	
	1 - 4	LEE TSZ HIM	李子謙	33	DNS	
	4 - 3	TONG YIN CHUNG	湯彥宇	998	DNS	

男子 2006~2007 年組 - 100米 (決賽)

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 4	IU CHUN YEUNG	姚晉暘	30	12.61"	
2	1 - 3	CHAN YAT LOK	陳一樂	23	12.90"	
3	1 - 8	LO LONG HEI	盧朗曦	38	13.05"	
4	1 - 6	HUNG TSZ HO	洪梓皓	29	13.07"	
5	1 - 5	CHOY PAK YIN JEFFREY	蔡柏賢	25	13.10"	

DQ=Disqualify 犯規 DNS=Did not Start 沒有開始比賽 DNF=Did not Finish 沒有完成比賽 NM=No Mark 沒有成績 R=Record 新紀錄

飛達田徑會

Panasonic 飛達新春兒童田徑錦標賽 2020

男子 2006~2007 年組 - 100米 (決賽)

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
6	1 - 7	MOK NAI TIN VICTOR	莫乃天	40	13.34"	
7	1 - 1	YEUNG MAN LONG	楊文朗	46	13.85"	
8	1 - 2	NG CHEUK YIN ANDRE	吳卓諺	42	13.92"	

DQ=Disqualify 犯規 DNS=Did not Start 沒有開始比賽 DNF=Did not Finish 沒有完成比賽 NM=No Mark 沒有成績 R=Record 新紀錄

飛達田徑會

Panasonic 飛達新春兒童田徑錦標賽 2020

男子 2006~2007 年組 - 200米 (決賽)

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	2 - 4	TSUI WAI HIN	徐偉軒	12	24.29"	(R)
2	3 - 4	IU CHUN YEUNG	姚晉暘	30	26.32"	
3	3 - 5	CHAN YAT LOK	陳一樂	23	26.53"	
4	1 - 4	LO LONG HEI	盧朗曦	38	26.96"	
5	1 - 8	AU-YEUNG TSZ HIM, NICHOLAS	歐陽子	21	27.30"	
6	4 - 5	HUNG TSZ HO	洪梓皓	29	27.33"	
7	2 - 7	CHOY PAK YIN JEFFREY	蔡柏賢	25	27.82"	27.815"
8	3 - 7	MOK NAI TIN VICTOR	莫乃天	40	27.82"	27.820"
9	1 - 7	LIU KING TIN ALVIN	廖敬天	11	27.83"	
10	3 - 3	NG CHEUK YIN ANDRE	吳卓諺	42	28.19"	
11	2 - 3	YEUNG MAN LONG	楊文朗	46	28.72"	
12	4 - 6	FAN CHUN KIT	樊俊杰	993	28.87"	
13	3 - 6	AU TSZ YU	區梓譽	20	29.34"	
14	4 - 7	KHAN MIR IBRAHIM	胡力加	994	29.64"	
15	4 - 8	CHEUNG KA HEI	張家熙	996	30.10"	
16	4 - 4	LI SUM	李琛	35	30.27"	
17	2 - 5	TSANG YUK PUI	曾煜培	45	30.51"	
18	2 - 6	HE KAM TO	何錦濤	27	30.55"	
19	1 - 2	CHAN CHUN TING	陳俊廷	22	31.32"	
20	3 - 2	WAN CHAK LAM BOBBY	BOBBY	13	31.94"	
21	2 - 8	CHU CHING YIN	朱政諺	26	32.03"	
22	2 - 2	SO LOK HIN MATTHREW	蘇樂軒	44	32.94"	
23	1 - 6	LO ISAAC LAI HO	羅禮豪	37	32.97"	
24	1 - 5	MA CHO HONG	馬祖康	39	33.02"	
	3 - 8	LEE TSZ HIM	李子謙	33	DNS	
	1 - 3	LI MAN LONG	李文朗	34	DNS	
	4 - 3	TONG YIN CHUNG	湯彥宇	998	DNS	

DQ=Disqualify 犯規 DNS=Did not Start 沒有開始比賽 DNF=Did not Finish 沒有完成比賽 NM=No Mark 沒有成績 R=Record 新紀錄

飛達田徑會

Panasonic 飛達新春兒童田徑錦標賽 2020

男子 2006~2007 年組 - 400米 (決賽)

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 4	HUANG JAYDEN HEMING	黃鶴鳴	28	1'02.25"	
2	2 - 4	KWAN YIK YIN	關亦然	31	1'02.30"	
3	2 - 8	FAN CHUN KIT	樊俊杰	993	1'04.29"	
4	2 - 7	WONG CHUN HING	黃振興	14	1'07.72"	
5	2 - 2	FONG TSZ CHUNG KEMBA	方梓聰	997	1'11.04"	
6	1 - 5	LO FEI YIN	盧斐然	36	1'11.37"	
7	1 - 6	WAN CHAK LAM BOBBY	BOBBY	13	1'12.13"	
8	2 - 3	MOK PAK FAN	莫柏勛	41	1'13.37"	
9	1 - 3	LO ISAAC LAI HO	羅禮豪	37	1'14.37"	
10	1 - 8	SO LOK HIN MATTHREW	蘇樂軒	44	1'15.04"	
11	2 - 5	MA CHO HONG	馬祖康	39	1'15.70"	
12	2 - 1	YUAN CHECK XI	袁卓希	1000	1'16.00"	
	1 - 7	MOK NAI TIN VICTOR	莫乃天	40	DNS	
	2 - 6	TSUI WAI HIN	徐偉軒	12	DNS	

DQ=Disqualify 犯規 DNS=Did not Start 沒有開始比賽 DNF=Did not Finish 沒有完成比賽 NM=No Mark 沒有成績 R=Record 新紀錄

飛達田徑會

Panasonic 飛達新春兒童田徑錦標賽 2020

男子 2006~2007 年組 - 4X100米 (決賽)

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	2 - 2	Lam07			52.92"	
2	2 - 8	恩格斯			53.68"	
3	2 - 1	CH07			1'03.19"	

DQ=Disqualify 犯規 DNS=Did not Start 沒有開始比賽 DNF=Did not Finish 沒有完成比賽 NM=No Mark 沒有成績 R=Record 新紀錄

飛達田徑會

Panasonic 飛達新春兒童田徑錦標賽 2020

男子 2006~2007 年組 - 800米 (決賽)

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 1	KWAN YIK YIN	關亦然	31	2'34.10"	
2	1 - 14	FONG TSZ CHUNG KEMBA	方梓聰	997	2'43.10"	
3	1 - 11	MOK PAK FAN	莫柏勛	41	2'43.48"	
4	1 - 10	WAN CHAK LAM BOBBY	BOBBY	13	2'43.72"	
5	1 - 8	CHU CHING YIN	朱政諺	26	2'45.09"	
6	1 - 16	YUAN CHECK XI	袁卓希	1000	3'02.15"	
	1 - 5	WONG CHUN HING	黃振興	14	DNS	

DQ=Disqualify 犯規 DNS=Did not Start 沒有開始比賽 DNF=Did not Finish 沒有完成比賽 NM=No Mark 沒有成績 R=Record 新紀錄

飛達田徑會

Panasonic 飛達新春兒童田徑錦標賽 2020

男子 2006~2007 年組 - 跳遠 (決賽)

名次	組別	NAME	姓名	賽員編號	成績	備註
1	1 - 5	TSANG YUK PUI	曾煜培	45	5.01 m.	
2	1 - 11	IU CHUN YEUNG	姚晉暘	30	4.81 m.	
3	1 - 7	YEUNG MAN LONG	楊文朗	46	4.67 m.	
4	1 - 4	NG KING YIN	吳敬言	43	4.56 m.	
5	1 - 16	KHAN MIR IBRAHIM	胡力加	994	4.21 m.	
6	1 - 6	LIU KING TIN ALVIN	廖敬天	11	4.20 m.	
7	1 - 17	CHEUNG KA HEI	張家熙	996	3.72 m.	
8	1 - 9	CHU CHING YIN	朱政諺	26	3.55 m.	
9	1 - 10	CHENG YAT KIU	鄭日喬	24	3.46 m.	
10	1 - 14	LI MAN LONG	李文朗	34	3.30 m.	
11	1 - 12	MA CHO HONG	馬祖康	39	3.25 m.	
12	1 - 2	LI SUM	李琛	35	3.22 m.	
13	1 - 3	HE KAM TO	何錦濤	27	2.78 m.	
	1 - 18	FONG TSZ CHUNG KEMBA	方梓聰	997	NM	
	1 - 13	CHENG HO FUNG, GERMAN	鄭皓丰	10	DNS	
	1 - 1	LEE TSZ HIM	李子謙	33	DNS	
	1 - 15	TONG YIN CHUNG	湯彥宇	998	DNS	
	1 - 8	WONG CHUN HING	黃振興	14	DNS	
	1 - 19	YUAN CHECK XI	袁卓希	1000	DNS	

DQ=Disqualify 犯規 DNS=Did not Start 沒有開始比賽 DNF=Did not Finish 沒有完成比賽 NM=No Mark 沒有成績 R=Record 新紀錄